TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HS-PT
Ngày: 24 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhài.

- *Các thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Mạnh Toàn

2. Ông Dương Văn Bản

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Ông Lý Đình Kiêm, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2023/TLPT- HS ngày 27/6/2023 do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Dương Văn T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1962.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Là Đảng viên Đ (đã bị UBKT thành ủy T2 đình chỉ sinh hoạt tại QĐ số 110/QĐ-UBKT ngày 15/12/2022); trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn S và con bà: Nguyễn Thị Ế (đều đã chết); vợ: Lương Thị M và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T do bị cáo mời: Luật sư Phạm Quốc C - Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt)

**** Người bị hại kháng cáo:*** Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1973.

Trú quán: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn Thị Thanh N - Văn phòng L2, thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lương Thị M, sinh năm 1962

Trú quán: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt);

2. Bà Đinh Thị Lan H (vợ ông V) *(Có mặt);*

3. Ông Lưu Hoàng T1 (Con rể ông V) *(Vắng mặt);*

Đều trú quán: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/4/2022, Dương Văn T điều khiển xe ô tô BKS 20L-7943 đi từ nhà đến khu vực đồi cây thuộc tổ A, phường T, thành phố T để chặt cây trên đồi. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị N1 (mẹ đẻ anh Nguyễn Văn V) đi qua khu vực đồi cây, nhìn thấy T đang chặt cây, bà N1 về nhà báo cho con trai là anh Nguyễn Văn V biết. Anh V cầm theo 01 con dao quắm dài khoảng 40 cm đi lên đồi cây. Khi đến nơi, anh V nhìn thấy T đang chặt cây thì yêu cầu T dừng lại, T nói với anh V: "Không có đất nào là vô chủ cả, mày lên phường, thành phố hỏi xem đất của ai" rồi cúi xuống chặt cây. Anh V tiếp tục yêu cầu T dừng lại dẫn đến hai bên xảy ra cãi nhau. Lúc này, anh V đang đứng tại sườn đồi, cách T khoảng 02m thì T dùng tay phải cầm 01 con dao quắm (phần kim loại dài 40cm được tra thêm cán bằng tre dài 50cm) rồi quay về phía anh V đứng chém 01 phát từ phải sang trái trúng vào cẳng chân phải của anh V. Khi bị chém, anh V hoảng sợ bỏ chạy về hướng chân đồi nhưng bị ngã khuỵu xuống đất. Sau khi mọi người có mặt chạy đến can ngăn thì T dừng lại, T cầm dao quắm rồi điều khiển xe ô tô đi về nhà. Anh V được đưa đi Bệnh viện H2 - Hà Nội cấp cứu, điều trị từ ngày 30/4/2022 đến ngày 06/6/2022 ra viện.

Tại Biên bản xác minh thương tích ở Bệnh viện H2 vào hồi 18 giờ 10 phút ngày 30/4/2022 đối với Nguyễn Văn V thể hiện: Vết thương 1/3D mặt ngoài cẳng chân phải gần bằng 4cm; vết thương 1/3D mặt trong cẳng chân phải 1cm gọn; gãy hở cẳng chân phải hiện tại đang được dùng thuốc và chờ mổ xử lý.

Tại bệnh án ngoại khoa số 47 ngày 6/6/2022 của Bệnh viện H2 - Hà Nội xác định: Nguyễn Văn V bị vết thương cẳng chân phải, vết xây xát da bả vai trái. Tại phiếu phẫu thuật cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới của Bệnh viện H2 ngày 30/4/2022, chẩn đoán: Gẫy hở độ II 2 xương cẳng chân phải. Mô tả: Vết thương 1/3 dưới cẳng chân KT 3 x 1cm và 5 x 3cm bờ nham nhở nhiều dị vật bẩn, lộ đầu

xương dập nát. Thăm dò thấy động mạch mu chân dập nát, đứt đoạn nhiều mảnh. Tiến hành: Đánh rửa nhiều lần bằng BETADINE và ô xy già, cắt lọc tiết kiệm, thắt động mạch mu chân, làm sạch đầu xương gãy, đinh nội tủy xương mác, cố định ngoài xương chày, đặt 1 sonde hút số 14 vào ô gãy khâu da thưa.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 684/TgT ngày 26/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Văn V, kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo bả vai (T), tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày.

* Các vết thương còn lại: Gãy đầu dưới hai xương cẳng chân (P) cal xấu, tỷ lệ: 21%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật có cạnh sắc. Sẹo cẳng chân (P), vết 1, tỷ lệ: 3%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật có cạnh sắc. Sẹo cẳng chân (P), vết 2, tỷ lệ: 2%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật có cạnh sắc. Sẹo cố định ngoại vi cẳng chân (P), vết 1, tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do quá trình điều trị. Sẹo cố định ngoại vi cẳng chân (P), vết 2, tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do quá trình điều trị. Sẹo cố định ngoại vi cẳng chân (P), vết 3, tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do quá trình điều trị. Sẹo cố định ngoại vi cẳng chân (P), vết 4, tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do quá trình điều trị. Sẹo vá da đùi (P), tỷ lệ: 1%, Cơ chế hình thành vết thương: Do quá trình điều trị. Tỷ lệ các vết thương còn lại là: 29%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn V là: 30%.

Tại bản kết luận giám định lại pháp y thương tích số 259/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của V2 - Bộ C1 đối với Nguyễn Văn V, kết luận: Sẹo bả vai trái kích thước trung bình: 02%. Diện sẹo lấy da ghép mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải diện tích từ 1% diện tích cơ thể trở xuống: 01%. Diện sẹo phẫu thuật và vết thương mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân - cổ chân - mu chân phải kích thước lớn: 03%. Sẹo phẫu thuật và vết thương mặt trước - trong 1/3 dưới cẳng chân phải kích thước trung bình: 02%. 10 sẹo phẫu thuật xuyên đinh kích thước nhỏ mỗi sẹo 01%. Tổn thương nhánh thần kinh hông khoeo ngoài phải: 07%; Gãy hai xương cẳng chân phải, can xấu, ngắn chi bên phải so với bên trái từ 2cm đến 5cm: 26%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn V tại thời điểm giám định lại là: 43%. Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương cẳng chân phải do vật sắc gây nên. Tổn thương vai trái do vật có cạnh gây nên.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Dương Văn T ngày 30/4/2022 thể hiện: 01 vết bầm tím tại mặt ngoài cổ tay phải KT 01cm x 03cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 261/TgT ngày 20/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Dương Văn T kết luận: Hiện tại không còn dấu

vết của thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Văn T do thương tích gây nên hiện tại là 0%.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Văn T khai nhận: Do anh Nguyễn Văn V sử dụng dao quắm đập vào tay của mình trước nên T dùng sống dao chém vào chân phải của anh V gây thương tích. T không thừa nhận thương tích 02% ở vai trái của anh V do mình gây nên. Do đó, thương tích của anh Nguyễn Văn V ở phần bả vai trái có tỷ lệ tổn thương 02% quá trình điều tra cơ quan điều tra không xác định được nguyên nhân dẫn đến thương tích này. Anh V khai có hành vi dùng 01 con dao quắm để ném về phía người của T sau khi bị T chém, nhưng không xác định được vị trí nào và T không thừa nhận bị anh V ném dao vào người sau khi bị chém, mặt khác kết luận giám định xác định vết bầm tím ở cổ tay phải của T là 0% nên Cơ quan điều tra kết luận không xử lý.

Căn cứ Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Lời khai của người bị hại; L khai người làm chứng; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được đủ căn cứ xác định T đã dùng 01 con dao quắm chém phần lưỡi dao vào cẳng chân phải của anh V gây thương tích là 41%.

Vật chứng của vụ án: 01 con dao quắm do anh Nguyễn Văn V mang đến hiện trường, hiện không thu hồi được. 01 con dao quắm bằng kim loại dài 40cm, bản dao rộng 5cm, dao được tra thêm cán tre dài 50cm do Dương Văn T sử dụng để chém anh V. Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn V yêu cầu bị cáo Dương Văn T bồi thường 400.000.000 đồng. Bà Lương Thị M (vợ bị cáo T) đã bồi thường cho anh V 200.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HSST ngày 18/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Dương Văn T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn V số tiền 200.000.000 đồng (đã thanh toán cho nhau xong).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2023 bị hại kháng cáo nội dung: Bị cáo không thành khẩn cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng; không xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ như cáo trạng của Viện kiểm sát là không chính xác; nhân thân xấu nên không đủ điều kiện để được hưởng Điều 54 BLHS. Đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Giữa bị hại và bị cáo không có mâu thuẫn từ trước. Sáng 30/4/2022 trước khi bị cáo dùng dao chém bị hại thì hai bên có nói nhau về việc cây trồng trên đất rừng, bị cáo dùng dao chém bị hại trước thì bị hại mới ném con dao của bị hại vào bị cáo nhưng không biết có trúng hay không.

Bị cáo khai nhận thương tích ở chân của bị hại do bị cáo dùng sống dao gây ra, nguyên nhân do bị hại hỗn láo, ít tuổi hơn bị cáo nhưng lại xưng mày tao với bị cáo và do bị hại dùng vật gì đập vào tay bị cáo trước nên bị cáo bức xúc. Giữa bị cáo và bị hại trước đó không có mâu thuẫn gì. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, các nội dung liên quan đến kháng cáo của người bị hại. Đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên trình bày quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tính chất côn đồ tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS như bản án cấp sơ thẩm đã nhận định.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Mặc dù bị cáo chỉ thừa nhận là dùng sống dao chém vào cẳng chân bị hại, tuy nhiên bị cáo vẫn khẳng định vết thương ở cẳng chân phải 41% của bị hại là do bị cáo gây ra; còn vết thương ở vai trái 2% của bị hại không xác định được nguyên nhân, do đó cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ.

Về mức hình phạt: Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, v, b khoản 1 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo; có thành tích xuất sắc phục vụ trong quân đội được nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương, đã bồi thường cho bị hại và 01 tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 BLHS là chị gái ruột có công với Tổ quốc. Xét nguyên nhân, tính chất, hành vi phạm tội của bị

cáo, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm áp dụng điều 54 BLHS giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 24 tháng tù là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại không thỏa thuận được mức bồi thường nên bản án sơ thẩm tính tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 179.748.283 đồng. Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000đ không lấy lại số tiền thừa. Phần quyết định của bản án lại ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo đã bồi thường cho anh V số tiền 200.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị hại có giao nộp một số tài liệu chứng cứ mới liên quan đến phần bồi thường trong quá trình điều trị thương tích. Mặt khác cấp sơ thẩm tính phần bồi thường chưa đầy đủ và có khoản chi phí tính 02 lần. Đề nghị HĐXX tính lại cho đúng và đầy đủ.

Từ đó kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại các khoản từ 225.000.000 đến 230.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo T phạm tội không có tính chất côn đồ vì xác định bị cáo và bị hại có mâu thuẫn căng thẳng nguyên nhân trong việc tranh chấp tài sản trên đất, V là người chủ động cầm dao đến khu đất và khi đến có chụp hình ảnh T. Anh V có nói một số lời lẽ không chuẩn mực và có dùng vật dụng ném vào người T, T cũng bị thương tích nhẹ ở tay, do đó bị cáo T mới bức xúc căng thẳng và dùng dao chém vào chân anh V với tỉ lệ là 41/% sức khỏe, T gây thương tích cho anh V là có nguyên cớ không phải do vô cớ. Về phần hình phạt: đề nghị giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo như cấp sơ thẩm đã tuyên. Phần dân sự đề nghị xem xét bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Không nhất trí với quan điểm của kiểm sát viên và luật sư bào chữa cho bị cáo. Mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo không phù hợp vì: Bị cáo có nhân thân xấu, trước khi bị cáo gây thương tích cho anh V, bị cáo có hành vi đánh người khác thương tích 4%, tuy nhiên bị hại không yêu cầu khởi tố nên cơ quan điều tra không khởi tố, ngoài ra còn có nhiều lần đánh người khác. Trước khi xảy ra sự việc thì giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, bị cáo khai do bị hại ném vật gì vào bị cáo trước nhưng không có căn cứ chứng minh, kết luận giám định thể hiện Tý 0%; theo bị cáo thì do V có lời

nói hỗn láo, nếu có thì đó là nguyên cớ nhỏ nhặt, do đó bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS như kiểm sát viên cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ. Vết thương ở chân của bị hại giám định kết luận cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật có cạnh sắc, tuy nhiên bị cáo chỉ nhận dùng sống dao chém bị hại và đổ lỗi cho bị hại, do đó bị cáo không thành khẩn khai báo nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng anh V dùng vật gì để ném T nhưng không có căn cứ chứng minh vì thực tế qua kết luận giám định thể hiện Tý 0%. Mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo là không phù hợp. Đề nghị tăng hình phạt lên mức hình phạt từ 5 – 6 năm tù.

Về mức bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản sau: Chi phí khám chữa bệnh, thuốc, thuê xe có hóa đơn; bồi dưỡng sức khỏe; tổn thất tinh thần; mất thu nhập của người bị hại và của người chăm sóc; tiền thuê xe đi khám lại; do chân anh V không thể tự đi xe đi làm được nên phải thuê người để đưa đi làm trong thời gian 6 tháng là 5.000.000 đồng/01 tháng. Tổng là 321.392.103 đồng

Bị hại nhất trí với quan điểm của luật sư N.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/4/2022, tại khu vực tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Dương Văn T và anh Nguyễn Văn V có xảy ra cãi vã với nhau, Dương V1 đã có hành vi dùng 01 con dao quắm dài 40cm, bản dao rộng 5cm, dao được tra thêm cán tre dài 50cm chém vào cẳng chân phải của anh Nguyễn Văn V gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 41% sức khỏe. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Dương Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

- Cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ theo điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS là không đúng. Bị cáo và bị hại đều xác định trước đó

không có mâu thuẫn xảy ra tranh chấp đất đai gì, bị cáo cho rằng vì do V có lời nói hỗn láo, bức xúc, không kiềm chế bản thân nên phạm tội và do V ném vật gì đó vào tay bị cáo trước nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, đủ năng lực nhận thức, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhưng bị cáo đã sử dụng hung khí là dao quắm chém vào cẳng chân phải của anh V, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính côn đồ nên phải chịu 2 tình tiết định khung là "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ" tại điểm n, i khoản 1 Điều 134 BLHS. Bị hại bị tổn thương 41% sức khỏe nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

- Về nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo và không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Mặc dù bị cáo chỉ thừa nhận là dùng sống dao chém vào cẳng chân bị hại, tuy nhiên bị cáo vẫn khẳng định vết thương ở cẳng chân phải của bị hại là do bị cáo gây ra; còn vết thương ở vai trái cơ quan điều tra đã kết luận không xác định được nguyên nhân, do đó cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, v, b khoản 1 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo; có thành tích xuất sắc phục vụ trong quân đội được nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và 01 tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 BLHS là chị gái ruột có công với Tổ quốc. Xét nguyên nhân, hành vi phạm tội của bị cáo, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm áp dụng điều 54 BLHS giảm một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt 24 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là chưa phù hợp, bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo từ 5 đến 6 năm tù là quá nghiêm khắc, Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo 36 tháng tù cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo giúp bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Về phần bồi thường: Tại cấp sơ thẩm do bị cáo và bị hại không thỏa thuận được mức bồi thường nên bản án sơ thẩm tính tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 179.748.283 đồng. Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000đ không lấy lại số tiền thừa. Phần quyết định của bản án lại ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo đã bồi thường cho anh V số tiền 200.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật. Mặt khác cấp sơ thẩm tính phần bồi thường cho bị hại chưa đầy đủ và chưa đúng cấp phúc thẩm tính lại cho đúng, đầy đủ.

+ Tại cấp phúc thẩm anh V nộp bổ sung các tài liệu chứng cứ sau: 01 giấy xác nhận của Công ty T3, thể hiện anh V phải nghỉ điều trị thương tích mất thu nhập từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/7/2022. Tổng mức thu nhập của 03 tháng là 19.380.000

đồng. 01 giấy xác nhận làm thêm tại Công ty TNHH X, địa chỉ tại xã S, T giám đốc Phạm Tích H1 ký xác nhận có dấu đỏ của công ty, với nhiệm vụ: Thống kê vật tư, lập kế hoạch nhập khẩu hàng hóa cho công ty, thời gian làm việc từ 16h30 phút đến 18h30 phút từ thứ 2 – thứ 6, thứ 7 và chủ nhật theo giờ hành chính, mức lương 1 tháng là 4.000.000 đồng, thời gian nghỉ làm thêm từ tháng 05 đến tháng 10/2022 (06 tháng) là 24.000.000 đồng; 01 giấy ra viện; 04 giấy khám lại gồm 04/7, 01/8, 14/11/2022 và 03/4/2023 của Bệnh viện H2 đều do chỉ định của bác sỹ; 01 giấy chụp X quang tại Bệnh viện Đ1 - Thái Nguyên ngày 26/8/2022. Tại phiên tòa anh V xác nhận 01 tháng anh V làm tại Công ty T3 là 22 ngày, công việc nhân viên tiếp liệu Phòng vật tư, khoán theo sản phẩm nên thời giờ làm việc do anh sắp xếp; số ngày và thời gian làm thêm như Công ty X xác nhận.

Do đó, cấp phúc thẩm cần được tính toán lại toàn bộ phần bồi thường như sau:

* Chi phí hợp lý của người bị hại có hóa đơn cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 82.108.283 đồng là không đúng và có hóa đơn tính 02 lần, cấp phúc thẩm tính lại tổng số tiền chi phí hợp lý của người bị hại có hóa đơn được chấp nhận là: 66.086.652 đồng.

* Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại cấp sơ thẩm chưa tính, căn cứ vào điểm b Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng quy định*: "Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án"* được tính như sau: 40 ngày x (4.160.000đ/tháng: 26 ngày) 160.000đ/ngày = 6.400.000 đồng.

* Đối với thu nhập bị mất của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị: Cấp sơ thẩm tính số ngày công mất thu nhập của người bị hại là 40 ngày là chưa đầy đủ. Cấp phúc thẩm cần tính lại cho đầy đủ như sau:

+ Tại Công ty T3: 03 tháng x (6.460.000đ/tháng : 22 ngày) = 19.380.000 đồng.

+ Làm thêm tại Công ty TNHH X: 06 tháng x (4.000.000đ/tháng : 30 ngày) = 24.000.000 đồng.

+ 04 ngày đi khám lại, trong đó có 02 ngày đã được tính theo tháng trên, còn 02 ngày (14/11/2022 và 03/4/2023) được tính như sau: 2 ngày x 426.969,697đ/ngày = 834.939,394 đồng (làm tròn là 834.939 đồng).

Tổng số tiền thu nhập thực tế của người bị hại bị mất là: 44.214.939 đồng

* Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc tại bệnh viện (theo hồ sơ bệnh án) và đưa đi khám lại tổng cộng là 40 ngày cấp sơ thẩm tính ngày công mất thu

nhập của người chăm sóc bị hại với thời gian 40 ngày x 300.000đồng/ngày = 12.000.000đồng là có căn cứ.

* Chi phí hợp lý của người chăm sóc: Tiền xe đi lại có hóa đơn 16.850.000đồng.

* Tiền tổn thất tinh thần: Cấp sơ thẩm chấp nhận tiền tổn thất tinh thần cho bị hại 36 tháng lương cơ sở là chưa phù hợp, cần tăng lên 40 tháng lương cơ sở. Từ 01/7/2023 mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng, được tính như sau: 40 tháng x 1.800.000đ/tháng = 72.000.000 đồng

* Đối với khoản tiền thuê xe đi làm của bị hại: Bị hại giao nộp 07 hợp đồng thỏa thuận thuê xe đi làm từ tháng 8/2022 đến hết tháng 2/2023 là 7 tháng, mỗi tháng thuê từ 20 triệu đến 22 triệu. Xét thấy: Số tiền thuê xe đưa anh V đi làm như trên là không hợp lý. Tuy nhiên, sau thời gian nghỉ điều trị vết thương, anh V đi làm trở lại, thực tế anh V vẫn phải tập đứng, tập đi, nên không thể tự điều khiển xe đi làm được nên chấp nhận một phần chi phí này cho bị hại với số tiền là 14.000.000 đồng.

Tổng các khoản bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 231.551.591 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tăng hình phạt tù lên 36 tháng tù và tăng phần bồi thường, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 231.551.591 đồng, đã bồi thường 200.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường cho anh V là 31.551.591 đồng.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa về phần bồi thường là có căn cứ nên được chấp nhận, không chấp nhận về phần hình phạt. Không chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo là người cáo tuổi nên được miễn án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn V. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 136/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Dương Văn T 3 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2022.

Căn cứ vào Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn V 231.551.591 đồng, bị cáo đã bồi thường 200.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường cho anh V 31.551.591 đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí dân sự cho bị cáo vì người cao tuổi.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhài